

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh
và phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật, cấp mã
đối với Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Thạch Thảo
thuộc Hộ kinh doanh Nha khoa Thạch Thảo**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản Đoàn thẩm định cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Sở Y tế tại Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Thạch Thảo thuộc Hộ kinh doanh Nha khoa Thạch Thảo ngày 08/10/2026; Hồ sơ đề nghị cấp mới Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (Mã hồ sơ: H55.10-260825-180017);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp 01 giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (Chi tiết kèm theo phụ lục 1). Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **19289**.

Điều 2. Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Thạch Thảo thuộc Hộ kinh doanh Nha khoa Thạch Thảo được thực hiện 110 kỹ thuật chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BYT (Chi tiết kèm theo phụ lục 2). Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Thạch Thảo thuộc Hộ kinh doanh Nha khoa Thạch

Thảo phải thực hiện đúng phạm vi chuyên môn, quy trình kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế trong khám bệnh, chữa bệnh để đảm bảo an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các ông/bà: Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở Y tế và chủ cơ sở tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 (T/hiện);
- Đ/c Giám đốc SYT (để b/c);
- BP tiếp nhận và trả KQ TTHC;
- Website SYT;
- Lưu: VT, NVY (nghĩaht).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tiêu Thị Vân Hạnh

Phụ lục 1:

DANH SÁCH CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Kèm theo Quyết định số 2353/QĐ-SYT ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên cơ sở	Hình thức tổ chức	Địa điểm hoạt động	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian làm việc hằng ngày	Số GPHĐ	Loại cấp
1	PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT THẠCH THẢO THUỘC HỘ KINH DOANH NHÀ KHOA THẠCH THẢO	Phòng khám răng hàm mặt	Tổ dân phố 1, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt ban hành kèm theo Giấy phép hoạt động	Từ 8h00 đến 19h00 (Thứ 2 đến chủ nhật)	1351	Cấp mới
		Tổng số: 01 cơ sở					

Phụ lục 2:

**DANH MỤC KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI
PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT THẠCH THẢO
THUỘC HỘ KINH DOANH NHA KHOA THẠCH THẢO**

*(Kèm theo Quyết định số 2353/QĐ-SYT ngày 09 tháng 10 năm 2026
của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên)*

TT	STT theo TT 23/2024/ TT-BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	14317	16.2	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật ghép xương tự thân để cấy ghép Implant
2	14318	16.3	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo để cấy ghép Implant
3	14319	16.4	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật ghép xương hỗn hợp để cấy ghép Implant
4	14320	16.5	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật đặt xương nhân tạo và màng sinh học quanh Implant
5	14321	16.6	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cấy ghép Implant
6	14322	16.7	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu tự thân để cấy ghép Implant
7	14323	16.8	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu nhân tạo để cấy ghép Implant
8	14324	16.9	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu hỗn hợp để cấy ghép Implant
9	14325	16.10	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật tách xương để cấy ghép Implant
10	14326	16.11	16.RĂNG HÀM MẶT	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng
11	14356	16.41	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
12	14357	16.42	16.RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi
13	14358	16.43	16.RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
14	14365	16.50	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
15	14366	16.51	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
16	14367	16.52	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
17	14368	16.53	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay
18	14369	16.54	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy
19	14370	16.55	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy
20	14371	16.56	16.RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA

TT	STT theo TT 23/2024/ TT-BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
21	14372	16.57	16.RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
22	14373	16.58	16.RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
23	14374	16.59	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
24	14375	16.60	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)
25	14376	16.61	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
26	14377	16.62	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng
27	14378	16.63	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nội nha - hàn ngược ống tủy
28	14382	16.68	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
29	14383	16.70	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement
30	14384	16.71	16.RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement
31	14385	16.72	16.RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
32	14386	16.73	16.RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
33	14391	16.78	16.RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
34	14392	16.79	16.RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma
35	14395	16.82	16.RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
36	14396	16.83	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
37	14397	16.84	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi(các loại)
38	14398	16.85	16.RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
39	14399	16.86	16.RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
40	14400	16.87	16.RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant
41	14401	16.88	16.RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
42	14402	16.89	16.RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
43	14403	16.90	16.RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
44	14404	16.91	16.RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant
45	14405	16.92	16.RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
46	14406	16.93	16.RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
47	14415	16.102	16.RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả toàn phần dạng cúc bấm tựa trên Implant
48	14416	16.103	16.RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trên Implant

TT	STT theo TT 23/2024/ TT-BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
49	14417	16.104	16.RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
50	14418	16.105	16.RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
51	14419	16.106	16.RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần nhựa
52	14425	16.112	16.RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
53	14426	16.113	16.RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
54	14427	16.114	16.RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần nhựa
55	14442	16.129	16.RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
56	14443	16.130	16.RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
57	14444	16.131	16.RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
58	14445	16.132	16.RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
59	14450	16.136	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
60	14451	16.137	16.RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
61	14452	16.138	16.RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
62	14453	16.140	16.RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
63	14454	16.141	16.RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
64	14455	16.142	16.RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàn nhựa thường
65	14472	16.159	16.RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định
66	14474	16.161	16.RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định
67	14482	16.169	16.RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn hóa trùng hợp
68	14483	16.170	16.RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp
69	14485	16.172	16.RĂNG HÀM MẶT	Gắn mắc cài mặt ngoài bằng kỹ thuật gián tiếp
70	14486	16.173	16.RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng
71	14487	16.174	16.RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bê Loop L hoặc dây cung đảo ngược
72	14488	16.175	16.RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (Utility Archwire) và cung phụ làm lún răng cửa
73	14489	16.176	16.RĂNG HÀM MẶT	Làm trôi các răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt
74	14490	16.177	16.RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định
75	14491	16.178	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
76	14493	16.180	16.RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp
77	14494	16.181	16.RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp
78	14496	16.183	16.RĂNG HÀM MẶT	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp
79	14497	16.184	16.RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp

TT	STT theo TT 23/2024/ TT-BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
80	14498	16.185	16.RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
81	14499	16.186	16.RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
82	14508	16.195	16.RĂNG HÀM MẶT	Máng nâng khớp cắn
83	14510	16.197	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
84	14511	16.198	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
85	14512	16.199	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
86	14513	16.200	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới
87	14514	16.201	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân
88	14515	16.202	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng
89	14516	16.203	16.RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
90	14517	16.204	16.RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
91	14518	16.205	16.RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
92	14519	16.206	16.RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa
93	14526	16.213	16.RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xơ cho răng mọc
94	14527	16.214	16.RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
95	14528	16.215	16.RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi di động để làm hàm giả
96	14529	16.216	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi
97	14530	16.217	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh môi
98	14531	16.218	16.RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh má
99	14534	16.221	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
100	14537	16.224	16.RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
101	14539	16.226	16.RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
102	14540	16.227	16.RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement
103	14545	16.232	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
104	14547	16.234	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
105	14548	16.236	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
106	14549	16.237	16.RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
107	14550	16.238	16.RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
108	14551	16.239	16.RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
109	14552	16.240	16.RĂNG HÀM MẶT	Chích áp xe lợi trẻ em
110	14553	16.241	16.RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
Tổng số: 110 danh mục kỹ thuật				